

Số: 051 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 08/03/2012 của Công ty Cổ phần Hoá chất Đức Giang Lào Cai (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 04 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2011, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 15.266.020.779 đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã có kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới, kế hoạch này được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 05 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/10/2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4, phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 24 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo mức thuế suất ưu đãi và mức thuế suất thông thường dựa trên thu nhập chịu thuế của mỗi dây truyền (lò) sản xuất. Thu nhập chịu thuế này được Công ty tự xác định trên cơ sở tập hợp và phân bổ chi phí theo báo cáo quản trị giá thành nội bộ. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Trịnh Thị Hồng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0026/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		247.207.450.465	98.867.501.821
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	402.585.300	8.229.644.859
1. Tiền	111		402.585.300	8.229.644.859
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.397.279.107	46.075.453.690
1. Phải thu khách hàng	131	7	127.937.692.680	32.900.786.880
2. Trả trước cho người bán	132		4.915.031.070	12.229.362.820
3. Các khoản phải thu khác	135		2.544.555.357	945.303.990
III. Hàng tồn kho	140		90.034.076.645	38.863.813.916
1. Hàng tồn kho	141	8	90.034.076.645	38.863.813.916
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.373.509.413	5.698.589.356
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.373.509.413	4.931.421.466
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	325.000.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	442.167.890
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		195.028.445.618	138.552.924.841
I. Tài sản cố định	220		194.780.991.572	137.470.264.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	163.560.398.647	86.663.116.365
- Nguyên giá	222		212.357.749.110	107.698.707.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.797.350.463)	(21.035.590.987)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	29.692.806.749	26.123.794.838
- Nguyên giá	228		31.255.726.998	27.094.540.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.562.920.249)	(970.745.797)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.527.786.176	24.683.353.053
II. Tài sản dài hạn khác	260		247.454.046	1.082.660.585
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	247.454.046	1.082.660.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		442.235.896.083	237.420.426.662

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		262.473.471.244	128.710.481.498
I. Nợ ngắn hạn	310		262.473.471.244	128.710.481.498
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	45.047.028.196	22.863.193.592
2. Phải trả người bán	312	14	76.270.222.093	54.912.831.823
3. Người mua trả tiền trước	313		2.082.800	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	10.149.012.236	67.280.281
5. Phải trả người lao động	315	16	6.486.173.077	3.086.572.823
6. Chi phí phải trả	316		69.204.006	105.690.110
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	114.043.682.772	43.915.305.658
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.406.066.064	3.759.607.211
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		179.762.424.839	108.709.945.164
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	179.762.424.839	108.709.945.164
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	100.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		363.009.392	(1.060.758.347)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.970.489.394	6.745.462.294
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.428.926.053	3.025.241.217
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		442.235.896.083	237.420.426.662

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
I. Ngoài tài sản	USD		59,24	53,14



Nguyễn Quốc Trung
Giám đốc
Lào Cai, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Ngô Anh Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.020.731.748.486	500.443.316.845
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		36.822.908.005	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		983.908.840.481	500.443.316.845
4. Giá vốn hàng bán	11	20	790.651.959.616	401.710.950.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		193.256.880.865	98.732.366.574
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	14.322.479.045	1.407.443.260
7. Chi phí tài chính	22	22	7.175.146.625	4.690.239.296
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.631.191.273	2.683.452.381
8. Chi phí bán hàng	24		44.992.377.268	16.113.351.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.790.759.332	6.311.011.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		144.621.076.685	73.025.207.514
11. Thu nhập khác	31		497.634	55.122.884
12. Chi phí khác	32		230.024.665	335.447.909
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(229.527.031)	(280.325.025)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		144.391.549.654	72.744.882.489
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	16.317.852.930	6.745.462.294
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		128.073.696.724	65.999.420.195
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	9.780	6.600



Nguyễn Quốc Trung
Giám đốc
Lào Cai, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Ngô Anh Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	144.391.549.654	72.744.882.489
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	28.353.933.928	19.342.210.161
- Chi phí lãi vay	6	3.631.191.273	2.683.452.381
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	176.376.674.855	94.770.545.031
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(105.763.913.364)	(48.984.188.477)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(51.170.262.729)	(7.735.016.563)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(48.871.055.883)	52.480.941.596
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	835.206.539	802.877.555
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.631.191.273)	(2.683.452.381)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	21.819.647.565	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(4.632.493.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.404.894.290)	84.019.212.986
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(69.605.999.873)	(31.696.295.758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(69.605.999.873)	(31.696.295.758)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	50.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	409.936.992.716	198.077.124.649
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(387.753.158.112)	(188.411.580.388)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(53.849.293.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	72.183.834.604	(44.183.749.401)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.827.059.559)	8.139.167.827
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.229.644.859	290.634.170
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(200.157.138)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	402.585.300	8.229.644.859

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 5.046.116.411 đồng, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Quốc Trung
 Giám đốc
 Lào Cai, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Ngô Anh Tuấn
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính